TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đức Hiền
2. Ông Nguyễn Thanh Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B *tham gia phiên toà:*
Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1986 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ 07, ấp A, xã Q, thị xã B, tỉnh Bình Phước
Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 05, ấp C, xã Q, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:*

Chị H và anh T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Bình Phước và đều kết hôn lần đầu

Sau khi hết hôn chị H và anh T cùng chung sống với nhau tại ấp C, xã Q, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau, có nhiều quan điểm không thống nhất trong vấn đề làm ăn kinh tế, anh T hay đi làm xa, dẫn đến rạn nứt hạnh phúc, anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2018, chị H đã chuyển về sinh sống cùng gia đình tại tổ 07, ấp A, xã Q đến nay. Nay chị H thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T.

Quá trình chung sống chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Y, sinh ngày 23/7/2016. Từ khi chị H và anh T sống ly thân, cháu Nhi do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Tuấn không hỗ trợ hay giúp đỡ chị H trong vấn đề nuôi dưỡng chăm sóc con, sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đại hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập anh T lên làm việc, viết bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để làm có cơ sở giải quyết vụ án nhưng anh T không thực hiện, không có ý kiến trình bày.

Biên bản xác minh ngày 04/3/2022, tại ấp C, xã Q, thị xã B, xác định: Trước đây, chị H và anh T cùng cư trú, sinh sống với nhau tại địa chỉ tổ 05, ấp C, xã Q, thị xã B, anh T hay đi làm xa lâu lâu mới về thăm gia đình, hiện nay chị H và anh T không còn chung sống với nhau, nay chị H và con đã chuyển về sinh sống với gia đình tại ấp A, xã Q, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn, giao con chung tên Nguyễn Vũ Y, sinh ngày 23/7/2016 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Mạnh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 05, ấp C, xã Q, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Anh Nguyễn Mạnh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Mạnh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2017 tại Uỷ ban nhân dân xã Q, thị

xã B, tỉnh Bình Phước, theo đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn với nhau nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống anh, chị bất đồng quan điểm không còn tH yêu nhau, quan tâm, trách nhiệm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ 2018 đến nay, nay chị H không muốn hàn gắn gia đình mà yêu cầu ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị H, cho chị Vũ Thị H ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị H có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Vũ Y, sinh ngày 23/7/2016, nhận thấy từ khi chị H và anh T ly thân, cháu Nhi do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến nay, chị H có công việc và có thu nhập ổn định, xét quyền lợi chính đáng về mọi mặt của con, cháu Nhi là con gái chị Vũ Thị H nuôi dưỡng là phù hợp hơn anh Nguyễn Mạnh T và phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung Nguyễn Vũ Y, sinh ngày 23/7/2016 cho chị Vũ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Vũ Thị H. Chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Vũ Y, sinh ngày 23/7/2016 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Mạnh T được quyền thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 00026181 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND T Bình Phước;
- VKSND TX Bình Long;
- Các đương sự;
- CCTHADS TX Bình Long;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Mai Phương